

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 9 - 2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất bị lấn, chiếm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hàng Lâm Viên

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Anh Trang

Bà Trần Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Hồng Hiến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất bị lấn, chiếm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời lịch xét xử số 26/TB-TA ngày 26/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 30/TB-TA ngày 17/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ-PT ngày 25/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lộ Anh T, sinh năm 1975 (*có mặt*);

2.2. Ông Lương Văn S, sinh năm 1979 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1971 (*có mặt*);

3.2. Bà Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1980 (*vắng mặt*);

3.3. Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1980 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại thôn H, xã P là do ông được cha mẹ tặng cho vào năm 2016, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016. Từ khi ông được tặng cho đất thì gia đình ông xây nhà ở trên đất quản lý và sử dụng.

Đến cuối năm 2016 thì ông mới phát hiện thửa đất của ông bị thu hẹp lại, ông đi đo đất lại thì mới biết đất của ông bị ông Lương Văn S và ông Lộ Anh T ở giáp đất lấn ở phần hướng tây, cụ thể: Ông Lương Văn S lấn đất của ông chiều dài khoảng 23m, chiều ngang khoảng 7m; ông T lấn đất của ông chiều dài 50m, chiều ngang khoảng 1,6m.

Ông có gặp ông T và ông S nhiều lần yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm, nhưng ông T, ông S không đồng ý giao trả lại đất cho ông.

Hiện tại phần đất của ông bị ông T và ông S lấn chiếm, thì phía phần đất của ông S không xây dựng gì, phần đất ông T lấn chiếm của ông thì ông T có xây dựng chuồng heo.

Đến năm 2017, ông có làm đơn khiếu nại đến ban quản lý thôn H nhưng kết quả giải quyết không thành, đến năm 2018 ông tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã P giải quyết, kết quả giải quyết cũng không thành, vì vậy ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C xác định không kháng cáo đối với phần yêu cầu khởi kiện ông Lộ Anh T đã được Tòa án cấp sơ thẩm đình

chỉ. Ông C kháng cáo yêu cầu ông Lương Văn S phải giao trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lộ Anh T trình bày:

Ông Lộ Anh T nhất trí việc ông Nguyễn Văn C rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lương Văn S trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 315b, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại thôn H, xã P là do vợ chồng ông nhận sang nhượng lại từ ông B, bà T1 (không nhớ rõ họ tên và năm sinh) vào năm 2008, đến năm 2009 thì vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông sử dụng và xây nhà trên đất ở ổn định từ khi nhận sang nhượng đất cho đến nay.

Thửa đất của vợ chồng ông nhận sang nhượng giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn C ở hướng tây. Từ khi nhận sang nhượng đất thì ông có dùng tôn và dây kẽm để rào tạm bộ phận chia ranh giới đất của vợ chồng ông với đất ông C, nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng ông dự định mua lưới B40 để rào, khi đó ông C có nói với ông để ông C góp tiền mua lưới B40 rào, nhưng ông C không giao tiền nên ông không mua, từ đó ông C không cho ông rào ranh giới đất và nói vợ chồng ông lấn đất của ông C. Nay ông C khởi kiện vợ chồng ông lấn đất của ông C thửa đất 314 hướng tây, chiều dài khoảng 23m, chiều ngang khoảng 7m thì vợ chồng ông không đồng ý. Vì ranh giới đất của vợ chồng ông với đất ông C được phân chia bởi một bờ đất, do trước đây thửa đất của vợ chồng ông với ông C đều là đất ruộng nên có bờ đất phân chia ranh giới.

Hiện tại thửa đất của vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009, còn thửa đất của ông C được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016. Vợ, chồng ông sử dụng đất đúng phần đất của vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần đất hướng tây giáp với phần đất của ông C thì hiện tại chưa rào được do ông C không cho ông rào vẫn để trống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, nếu Tòa án kiểm tra đất mà thửa đất của vợ chồng ông có lấn đất của ông C thì vợ chồng ông đồng ý trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông C, còn nếu phần đất của ông C mà lấn qua phần đất của vợ chồng ông thì vợ chồng ông yêu cầu ông C phải giao trả lại cho vợ chồng ông. Ngoài ra vợ chồng ông không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Phan Thị H trình bày: Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng là ông Nguyễn Văn C, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Bà Trương Thị Mỹ T trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của chồng là ông Lộ Anh T, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Bà Đào Thị Thanh T trình bày: Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng là ông Lương Văn S, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 70, 71, 72, 73, 75, 217, 218, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166 và 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 8, 160, 163, 164, 165 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 147 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Điều 06 khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị H đối với ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm ở hướng tây của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8, xã P giáp với thửa đất số 315b, tờ bản đồ số 8, xã P của ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị H đối với ông Lộ Anh T, bà Trương Thị Mỹ T về việc yêu cầu ông Lộ Anh T, bà Trương Thị Mỹ T trả lại quyền sử dụng đất lấn chiếm ở hướng tây của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8, xã P giáp với thửa đất số 315a, tờ bản đồ số 8, xã P của ông Lộ Anh T, bà Trương Thị Mỹ T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T trả phần đất đã lấn chiếm chiều ngang khoảng 7m, chiều dài 23m ở hướng tây của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8, xã P cho ông Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C trong thời hạn kháng cáo; Nội dung đơn không kháng cáo đối với phần yêu cầu đã rút và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ nên xác định ông C chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Quyền sử dụng đối với thửa đất hiện nay ông Nguyễn Văn C đang sử dụng có nguồn gốc của mẹ ông C tặng, cho ông. Trích lục và diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi tặng, cho ông C và sau khi được tặng cho có sự nhầm lẫn về chiều dài của cạnh hướng Tây nhưng diện tích thửa đất không thay đổi. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận xác định chiều dài cạnh hướng Tây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp đổi có sự sai sót về độ dài cạnh hướng Tây.

+ Ông Nguyễn Văn C sử dụng thửa đất không đúng mốc giới dẫn đến mốc giới bị dịch chuyển về hướng Bắc từ đó ông C cho rằng ông Lương Văn S và ông Lộ Anh T lấn chiếm đất của ông là không có căn cứ.

+ Tại phiên thẩm định đất, ông C không xác định được ranh giới đất ông đang sử dụng và yêu cầu hội đồng thẩm định đất đo vào đất của ông T với phần diện tích lớn hơn diện tích ông C xác định ranh giới và chỉ đo tại giai đoạn sơ thẩm. Do đó, ông T khởi kiện cho rằng ông Lương Văn S lấn chiếm đất của ông là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại các Điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo của ông C được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C xác định không kháng cáo đối với phần yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ nên phạm vi kháng cáo của ông C được xác định là một phần Bản án sơ thẩm. Ông C yêu

cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T phải trả diện tích đất lấn, chiếm là 23m x 7m.

[1.2] Nguyên đơn Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận việc giải quyết vụ án.

[2] Các đương sự tranh luận: Các đương sự không tham gia tranh luận.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Nguồn gốc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8, diện tích 6.044m² tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện N (thửa đất số 314) được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 556129 cho bà Nguyễn Thị M vào ngày 04/02/2015. Sau đó bà Nguyễn Thị M tặng cho thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn C (con bà M). Ngày 14/7/2016, ông C được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 231046 đối với thửa đất số 314, diện tích 6.044m². Diện tích thửa đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thay đổi. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp đổi cho ông Nguyễn Văn C về cự ly cạnh có một số điểm không trùng khớp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho bà Nguyễn Thị M do quá trình xử lý bản đồ khi in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Công văn số 780/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 30/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận).

[3.2] Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C yêu cầu thẩm định đất cho rằng cạnh hướng Tây đất của ông đã bị ông Lương Văn S và ông Lộ Anh T lấn, chiếm; Ông Nguyễn Văn C xác định ranh giới đất là đường thẳng (điểm số 1 đến 9 theo đo vẽ chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 162k ngày 21/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh N). Tuy nhiên, ranh giới hướng Tây đất của ông C đang sử dụng theo trích lục được cấp giấy chứng nhận là đường gãy khúc, ông C chỉ đo ranh giới là đường thẳng dẫn đến lấn sang ranh giới của các thửa đất liền kề do ông Lương Văn S và Lộ Anh T đang sử dụng vì vậy ông C cho rằng ông S và ông T lấn, chiếm đất của ông là không có căn cứ.

[3.3] Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C yêu cầu thẩm định lại đất. Tại phiên thẩm định đất, ông Nguyễn Văn C xác định và yêu cầu Hội đồng thẩm định đất cắm mốc giới để xác định ranh giới cạnh hướng Tây của ông đi sâu vào các thửa đất liền kề với cự ly cạnh lớn hơn cự ly cạnh ông C xác định tại giai đoạn sơ thẩm. Kết quả thẩm định giai đoạn phúc thẩm chứng minh ông Nguyễn Văn C sử dụng mốc và ranh giới thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không đúng nên việc ông C khởi kiện cho rằng ông

Lương Văn S và Lộ Anh T lần, chiếm đất của ông là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là đúng. Ông Nguyễn Văn C phải thực hiện việc sử dụng đất theo đúng ranh, mốc giới đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; Đồng thời kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận điều chỉnh lại Sơ đồ thửa đất tại mục III của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CD 231046; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01362 ngày 14/7/2016 đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8.

[3.4] Từ những phân tích, lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện không được Tòa án chấp nhận nên ông phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định đất, định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm và phải chịu 4.820.000đ chi phí thẩm định đất tại giai đoạn phúc thẩm; Ông C đã nộp đủ tiền.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm vì yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 308 khoản 1, Điều 147 khoản 1, Điều 148 khoản 1, Điều 157 khoản 1, Điều 165 khoản 1, Điều 244 khoản 2, Điều 313 khoản 6 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 160, 163, 164, 165 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Lộ Anh T trả lại phần đất lấn chiếm ở hướng tây của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8 tại xã P, huyện N giáp với thửa đất số 315a tờ bản đồ số 8 tại xã P, huyện N của vợ chồng ông Lộ Anh T, bà Trương Thị Mỹ T. Ông Nguyễn Văn C được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Lương Văn S trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 23m x 7m nằm ở hướng tây của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8 tại xã P, huyện N giáp với thửa đất số 315b tờ bản đồ số 8 tại xã P, huyện N của vợ chồng ông Lương Văn S, bà Đào Thị Thanh T. Ông Nguyễn Văn C phải sử dụng đất đúng ranh giới, mốc giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận điều chỉnh lại Sơ đồ thửa đất tại mục III của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CĐ 231046; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01362 ngày 14/7/2016 đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 8 đã cấp cho ông Nguyễn Văn C.

5. Chi phí thẩm định, định giá:

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tài sản tại giai đoạn sơ thẩm. Ông C đã nộp đủ tiền.

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 4.820.000đ chi phí xem xét thẩm định tài sản tại giai đoạn phúc thẩm. Ông C đã nộp đủ tiền.

6. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022122 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông C đã nộp đủ.

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022655 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông C đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (1);
- Các đương sự (6);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA (1);
- Phòng HCTP (1);
- Lưu hồ sơ, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên